

**ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN XUÂN LỘC**

Số 3/12/QĐ-UBND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Xuân Lộc ngày 13 tháng 9 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố công khai quyết toán vốn đầu tư năm 2018

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN XUÂN LỘC

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương được Quốc hội thông qua ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Thông tư số 10/2005/TT-BTC ngày 02/02/2005 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn Quy chế công khai tài chính đối với việc phân bổ, quản lý, sử dụng vốn đầu tư XDCB thuộc nguồn vốn ngân sách nhà nước;

Căn cứ Nghị quyết số 09/NQ-HĐND ngày 30/8/2019 của HĐND huyện Xuân Lộc Khóa VI Kỳ họp thứ 12 về phê chuẩn quyết toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn, quyết toán thu - chi ngân sách địa phương năm 2018;

Xét đề nghị của phòng Tài chính – Kế hoạch,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai quyết toán vốn đầu tư năm 2018 (theo các biểu đính kèm).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng HĐND và UBND huyện, Trưởng phòng Tài chính - Kế hoạch, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan có trách nhiệm tổ chức thực hiện quyết định này.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh Đồng Nai;
- Sở Tài chính;
- Thường trực Huyện ủy;
- Thường trực HĐND huyện;
- Viện Kiểm sát nhân dân huyện;
- Tòa án nhân dân huyện;
- Các đơn vị dự toán ngân sách huyện;
- UBND các xã, thị trấn;
- Lưu: Văn phòng HĐND&UBND, Phòng TC-KH.

**TM.ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Thị Cát Tiên

Biểu mẫu: 03/CKTC-ĐT XD

Đơn vị công khai: UBND huyện Xuân Lộc

CÔNG KHAI
VỀ SỐ LIỆU QUYẾT TOÁN VỐN ĐẦU TƯ THEO NIÊN ĐỘ NĂM 2018

ĐVT: Triệu đồng

A	Nội dung	Tổng mức vốn đầu tư được duyệt	Tổng dự toán được duyệt	Giá trị khối lượng hoàn thành đã nghiệm thu		Vốn đã thanh toán	
				Lũy kế từ khởi công	Lũy kế từ đầu năm	Lũy kế từ khởi công	Lũy kế từ đầu năm
	B	1	2	3	4	5	6
	TỔNG CỘNG	715.761	715.761	366.625	111.172	364.113	111.658
I	NGÂN SÁCH TẬP TRUNG	396.070	396.070	229.252	60.813	229.252	60.813
1	Công trình giao thông, thủy lợi	235.544	235.544	120.773	46.261	120.773	46.261
	Cầu đường tổ 12 ấp Hòa Bình	2.213	2.213	1.861	44	1.861	44
	Nâng cấp, mở rộng đường vào núi Chứa Chan	55.123	55.123	26.210	5.151	26.210	5.151
	Cầu qua suối cánh đồng đội ấp 4 Bình Xuân I	2.998	2.998	2.587	-	2.587	-
	Đường Tân Hữu - Trảng Táo	49.976	49.976	36.934	27.714	36.934	27.714
	Đường Xuân Hiệp - Lang Minh (đoạn từ QL1A đến cầu Sông Ray)	41.001	41.001	22.760	5.674	22.760	5.674
	Bê tông hóa kênh mương ấp 1, ấp 3 xã Xuân Tâm	1.677	1.677	827	479	827	479
	Cầu đường GT vào KV ấp băng Lãng xã Xuân Tâm	7.807	7.807	3.076	2.700	3.076	2.700
	Đường Xuân Bắc - Long Khánh	41.647	41.647	3.591	2.862	3.591	2.862
	Đường vào cơ sở tiếp nhận, quản lý, cải thiện, phục hồi cho người nghiện ma túy tỉnh Đồng Nai (vốn ngân sách huyện đối ứng 4,6 tỷ đồng)	-	-	500	500	500	500
	Đường liên huyện lang Minh đi Xuân Đông	13.732	13.732	5.423	673	5.423	673
	Đường Xuân Hiệp đi Lang Minh	4.899	4.899	4.399	59	4.399	59
	Đường Bình Hòa- Xuân Phú-Thọ Tân, Xuân Thọ	14.470	14.470	12.605	405	12.605	405
2	Công trình giáo dục	89.033	89.033	78.026	2.092	78.026	2.092
	Trường MN Xuân Thọ (PH Thọ Trung)	13.999	13.999	13.174	-	13.174	-
	Trường THCS Lý Thường Kiệt	6.399	6.399	5.757	-	5.757	-
	Trường THCS Xuân Hòa	31.877	31.877	27.957	864	27.957	864
	Trường TH Quang Trung	6.488	6.488	6.379	343	6.379	343
	Trường MN Xuân Trường	14.686	14.686	10.184	162	10.184	162
	Trường TH Triệu Thị Trinh	4.308	4.308	4.207	235	4.207	235
	Trường MN Thọ Vực PH ấp 6	11.276	11.276	10.342	462	10.342	462
	Trường TH Minh Tân (Phân hiệu 2)	-	-	26	26	26	26
3	Công trình điện	2.662	2.662	2.305	2.305	2.305	2.305
	Đường dây hạ thế cánh đồng Thọ Lộc (Mật Cật 1, 2), xã Xuân Thọ	163	163	152	152	152	152
	Đường dây trung thế và TBA ấp Tây Minh, xã Lang Minh	533	533	487	487	487	487
	Đường dây trung thế và TBA Thác Trời, ấp 7, xã Xuân Bắc	1.080	1.080	1.003	1.003	1.003	1.003
	Đường dây trung, hạ thế và TBA cánh đồng Bảo Liệt, ấp Bình Minh, xã Xuân Hiệp	686	686	643	643	643	643
	Đường dây hạ thế Tổ 1, ấp Thọ Tân, xã Xuân Thọ	199	199	20	20	20	20

	Nội dung	Tổng mức vốn đầu tư được duyệt	Tổng dự toán được duyệt	Giá trị khối lượng hoàn thành đã nghiệm thu		Vốn đã thanh toán	
				Lũy kế từ khởi công	Lũy kế từ đầu năm	Lũy kế từ khởi công	Lũy kế từ đầu năm
A	B	1	2	3	4	5	6
4	Công trình văn hóa, thể dục thể thao	3.191	3.191	2.375	2.375	2.375	2.375
	Cổng chào đường vào chùa Gia Lào	3.191	3.191	2.375	2.375	2.375	2.375
5	Công trình quản lý nhà nước	65.640	65.640	25.773	7.780	25.773	7.780
	Trụ sở UBND xã Xuân Định	10.480	10.480	9.792	393	9.792	393
	Trụ sở UBND xã Suối Cát	14.900	14.900	4.000	4.000	4.000	4.000
	Nâng cấp, sửa chữa Trụ sở UBND huyện Xuân Lộc	30.303	30.303	3.052	3.052	3.052	3.052
	Đài tưởng niệm liệt sỹ xã Xuân Thọ	1.179	1.179	1.120	125	1.120	125
	Đài tưởng niệm LS xã Xuân Trường	1.789	1.789	1.459	-	1.459	-
	Cải tạo, chỉnh trang khu trung tâm xã Bảo Hòa	828	828	775	32	775	32
	Cải tạo, chỉnh trang khu trung tâm xã Xuân Tâm	992	992	956	50	956	50
	Trụ sở UBND xã Xuân Thành	5.169	5.169	4.619	128	4.619	128
II	NGUỒN THU TIỀN SỬ DỤNG ĐẤT	99.245	99.245	15.448	9.972	15.448	9.972
1	Công trình giáo dục	6.399	6.399	7.359	1.883	7.359	1.883
	Trường TH Xuân Định	6.399	6.399	5.790	314	5.790	314
	Trường TH Lê Hồng Phong	-	-	1.568	1.568	1.568	1.568
2	Công trình giao thông, thủy lợi	92.847	92.847	8.090	8.090	8.090	8.090
	Kênh cấp 2 nội đồng hồ Gia Măng	41.716	41.716	718	718	718	718
	Bê tông hóa kênh mương áp 1, áp 3 xã Xuân Tâm	1.677	1.677	2.737	2.737	2.737	2.737
	Cầu đường GT và KV áp bằng Lăng xã Xuân Tâm	7.807	7.807	85	85	85	85
	Đường Xuân Bắc - Long Khánh	41.647	41.647	4.550	4.550	4.550	4.550
III	NGUỒN XỔ SỐ KIẾN THIẾT	56.003	56.003	44.331	19.619	44.331	19.619
1	Công trình giáo dục	56.003	56.003	44.331	19.619	44.331	19.619
	Trường TH Lê Văn Tám	14.802	14.802	13.886	315	13.886	315
	Trường TH Lam Sơn	11.869	11.869	11.245	404	11.245	404
	Trường TH Nguyễn Viết Xuân	14.897	14.897	8.732	8.732	8.732	8.732
	Trường MN Trảng Táo	8.084	8.084	6.229	6.229	6.229	6.229
	Trường TH Lê Hồng Phong	6.351	6.351	4.240	3.940	4.240	3.940
IV	NGUỒN KẾT DƯ NGÂN SÁCH	17.090	17.090	13.040	13.040	13.040	13.040
1	Công trình giao thông, thủy lợi	10.739	10.739	8.040	8.040	8.040	8.040
	Đường Xuân Bắc - Long Khánh	-	-	4.000	4.000	4.000	4.000
	Cầu đường giao thông vào khu vực áp bằng Lăng xã Xuân Tâm	-	-	3.700	3.700	3.700	3.700
	Đường vào cơ sở tiếp nhận, quản lý, cai nghiện, phục hồi cho người nghiện ma túy tỉnh Đồng Nai (vốn ngân sách huyện đối ứng 4,6 tỷ đồng)	10.739	10.739	340	340	340	340
2	Công trình giáo dục	6.351	6.351	5.000	5.000	5.000	5.000
	Trường TH Nguyễn Viết Xuân	6.351	6.351	5.000	5.000	5.000	5.000
V	NGUỒN VỐN VAY NGÂN HÀNG CÔNG THƯƠNG	82.648	82.648	7.728	7.728	7.728	7.728

A	Nội dung	Tổng mức vốn đầu tư được duyệt	Tổng dự toán được duyệt	Giá trị khối lượng hoàn thành đã nghiệm thu		Vốn đã thanh toán	
				Lũy kế từ khởi công	Lũy kế từ đầu năm	Lũy kế từ khởi công	Lũy kế từ đầu năm
	B	1	2	3	4	5	6
1	Công trình giao thông, thủy lợi	82.648	82.648	7.728	7.728	7.728	7.728
	Đường Xuân Hiệp - Lang Minh (đoạn từ QL1A đến cầu Sông Ray)	41.001	41.001	3.457	3.457	3.457	3.457
	Đường Xuân Bắc - Long Khánh	41.647	41.647	4.271	4.271	4.271	4.271
VI	CHUYỂN NGUỒN 2017 SANG NĂM 2018	64.704	64.704	56.826	-	54.314	486
	Đường Xuân Hiệp - Gia Lào	26.018	26.018	26.612		26.612	35
	Câu tập đoàn 7 ấp Bình Minh, xã Suối Cát, huyện Xuân Lộc	4.785	4.785	804	-	804	-
	Trường MN Xuân Hưng (PH ấp 5).	1.637	1.637	1.398	-	1.398	-
	Trường MN Xuân Thọ (PH chính)	1.500	1.500	1.375	-	1.375	-
	Trường TH Trịnh Hoài Đức	7.543	7.543	6.461	-	6.461	-
	Trường MN Xuân Hiệp (Phân hiệu chính)	956	956	834	-	834	-
	Trường TH Chu Văn An	5.942	5.942	5.513	-	5.513	-
	Đập Gia Liêu 2 xã Xuân Phú	3.792	3.792	3.374		3.374	152
	Trường TH Nguyễn Huệ	4.861	4.861	4.159	-	4.159	-
	Trường TH Minh Tân (Phân hiệu 2)	1.221	1.221	1.073		1.073	35
	Nhà 01 cửa liên thông xã Bảo Hòa	556	556	30		30	30
	Nhà làm việc ban chỉ huy quân sự xã Xuân Bắc	720	720	675	-	675	-
	Nhà làm việc ban chỉ huy quân sự xã Lang Minh	1.500	1.500	1.375		1.375	203
	Tăng công suất TBA Tập đoàn 1, ấp Bình Hòa, xã Xuân Phú	178	178	173	-	-	-
	Tăng công suất TBA Tập đoàn 3, ấp Bình Hòa, xã Xuân Phú	138	138	134	-	-	-
	Đường dây trung thế, hạ thế và TBA cánh đồng Thọ Chánh, xã Xuân Thọ	529	529	521	-	-	-
	Đường dây hạ thế tổ 1, ấp Thọ Phước, xã Xuân Thọ	193	193	182		4	4
	Đường dây trung thế và TBA Xuân Bắc - Suối Cao, ấp 2B, xã Xuân Bắc	1.525	1.525	1.506	-	-	-
	Sửa chữa Đài tưởng niệm huyện	1.110	1.110	627		627	27

Biểu mẫu: 04/CKTC-ĐTXD

Đơn vị công khai: UBND huyện Xuân Lộc

CÔNG KHAI
TÌNH HÌNH PHÊ DUYỆT QUYẾT TOÁN DỰ ÁN HOÀN THÀNH NĂM 2018

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Loại dự án	Tổng mức đầu tư	Giá trị đề nghị quyết toán	Giá trị quyết toán được duyệt	Chênh lệch	Ghi chú
A	B	1	2	3	4=3-2	5
	Tổng cộng	228.800	165.655	165.320	(335)	
I	Nguồn vốn ngân sách	195.945	134.976	134.753	(223)	
1	Đường liên huyện Lang Minh đi Xuân Đông	19.761	13.733	13.732	(1)	
2	Đường Xuân Hiệp - Lang Minh	41.000	4.399	4.399	-	
3	Đài tưởng niệm liệt sỹ xã Xuân Thọ	1.179	1.140	1.119	(21)	
4	Trường MN Xuân Phú (PH Bình Hòa)	13.864	12.282	12.282	-	
5	Nhà 01 cửa liên thông xã Bảo Hòa	556	538	538	-	
6	Trường THCS Xuân Hòa	31.372	28.028	27.997	(31)	
7	Đường dây trung thế và TBA tổ 6 ấp Bàu cỏi và tổ 4 ấp 5	492	412	410	(2)	
8	Đường dây trung thế và TBA ngã Ba tranh	626	534	533	(1)	
9	Bê tông hóa đầu nối kênh N1 đập Bưng Cắn	658	609	609	-	
10	Trường MN Xuân Trường	14.686	9.985	9.976	(9)	
11	Đài tưởng niệm liệt sỹ xã Xuân Trường	1.917	1.603	1.603	-	
12	Cải tạo chỉnh trang khu trung tâm xã Bảo Hòa	828	783	778	(5)	
13	Cải tạo chỉnh trang khu trung tâm xã Xuân Hiệp	622	603	603	-	
14	Cửa điều tiết kênh tiêu áp Bình Xuân 1	1.059	993	993	-	
15	Mương thoát nước tại khu vực ấp Bình Xuân 1	191	187	176	(11)	
16	Trường MN Xuân Hưng (PH Chính)	11.599	9.587	9.544	(43)	
17	Công hợp N7 ấp Bình Xuân 1	301	266	238	(28)	
18	Tăng công suất TBA Tập đoàn 3 ấp Bình Hòa, xã Xuân Phú	137	128	128	-	
19	Trường TH Quang trung	6.488	6.378	6.378	-	
20	Cải tạo chỉnh trang khu trung tâm xã Xuân Tâm	992	961	956	(5)	

STT	Loại dự án	Tổng mức đầu tư	Giá trị đề nghị quyết toán	Giá trị quyết toán được duyệt	Chênh lệch	Ghi chú
A	B	1	2	3	4=3-2	5
21	Gia cố chống sạt lở tại đập áp Tân Bình 2, xã Lang Minh	219	218	218	-	
22	Trụ sở UBND xã Xuân Thành	5.169	4.665	4.665	-	
23	Đường Bình Hòa, Xuân Phú- Thọ Tân, Xuân Thọ	14.470	12.606	12.605	(1)	
24	Cầu đường tổ 12 ấp Hòa Bình	2.213	1.894	1.860	(34)	
25	Tăng công suất TBA Tập đoàn 1 ấp Bình Hòa, xã Xuân Phú	178	159	159	-	
26	Trường MN Thọ Vực (PH ấp 6)	11.276	10.342	10.342	-	
27	Trường TH Minh Tân (PH 2)	1.221	1.099	1.096	(3)	
28	Sửa chữa trường TH Hùng Vương	1.196	1.103	1.103	-	
29	Sửa chữa trường MN Xuân Phú	1.114	1.031	1.031	-	
30	Trung tâm văn hóa thể thao học tập cộng đồng xã Xuân hiệp	6.253	4.503	4.476	(27)	
31	Trường TH Triệu Thị Trinh	4.308	4.207	4.206	(1)	
II	Nguồn vốn XHH	32.855	30.679	30.567	(112)	
32	Trụ sở ấp Bình Tiến	369	316	316	-	
33	Trụ sở ấp Bình Tân	478	391	391	-	
34	Trụ sở ấp Bình Xuân 2	400	343	343	-	
35	Đường dây hạ thế Xuân Hiệp 24	142	141	141	-	
36	Đường dây hạ thế Việt Kiều 5	263	262	262	-	
37	Hội trường làm việc xã Xuân Phú	498	498	498	-	
38	Trụ sở ấp Bình Xuân 1	243	231	231	-	
39	Đường dây hạ thế sau cánh Đồng xã Suối Cát	198	193	193	-	
40	Đường dây hạ thế sau TBA Tam Hiệp 3 (đường XH 13)	273	268	265	(3)	
41	Đường dây hạ thế Xuân Hiệp 22 ấp Tam Hiệp	133	126	124	(2)	
42	Đường dây hạ thế sau TBA Bình Minh 3-2x25KVA	296	269	267	(2)	
43	Đường dây hạ thế sau TBA Đồi Gia Măng	258	249	249	-	
44	Đường số 7 ấp Trung Hưng	229	216	216	-	
45	Đường tổ 16 ấp Trung Nghĩa	427	402	402	-	
46	Đường hẻm 1 TL765 ấp Đông Minh	627	554	554	-	
47	Đường hẻm 3 kênh N2 nối dài	208	191	191	-	
48	Đường nội đồng số 6 ấp Tây Minh	418	395	395	-	
49	Đường nội đồng số 4 ấp Tân Bình	316	291	291	-	
50	Đường số 4 khu 2, thị trấn Gia Ray	1.201	1.041	1.041	-	
51	Đường số 7 khu 1, thị trấn Gia Ray	251	234	233	(1)	
52	Đường cây me ấp Trung Sơn	418	412	410	(2)	

STT	Loại dự án	Tổng mức đầu tư	Giá trị đề nghị quyết toán	Giá trị quyết toán được duyệt	Chênh lệch	Ghi chú
A	B	1	2	3	4=3-2	5
53	Đường hẻm 4/4 trần phú, thị trấn Gia Ray	297	261	261	-	
54	Đường Xuân Hiệp 15/1 ấp Tam Hiệp	1.477	1.412	1.412	-	
55	Đường nội đồng tổ 1,2 ấp Bình Xuân 2	681	640	640	-	
56	Đường hẻm 36 ấp Tam Hiệp	693	655	655	-	
57	Đường 26/3 ấp Tân Hợp	492	489	489	-	
58	Đường nhánh tổ 5 ấp Thọ Hòa, Xuân Thọ	176	166	166	-	
59	Đường Chu Văn An nối dài đoạn 2 khu 4	1.407	1.021	1.021	-	
60	Đường hẻm số 37 ấp 3A	358	338	338	-	
61	Đường hẻm số 37 ấp 3A nối dài	384	331	329	(2)	
62	Đường Trương Công Định	3.708	3.529	3.469	(60)	
63	Đường số 11 tổ 4 ấp 1	198	189	186	(3)	
64	Đường số 25 ấp 1 xã Xuân Hưng	170	160	160	-	
65	Đường Hồ Núi Le	3.382	3.321	3.311	(10)	
66	Đường số 21 nối dài ấp Suối Cát 1	298	281	280	(1)	
67	Đường ngang số 7 nhánh 3 ấp 2 xã Xuân Tâm	186	179	176	(3)	
68	Đường phân trường 5 nhánh 3 ấp 7, Xuân Tâm	1.882	1.787	1.770	(17)	
69	Đường Lang Minh Suối Đá(giai đoạn 2), xã Lang Minh	1.175	1.104	1.104	-	
70	Đường Bảo Liệt Đoạn 2 ấp Hòa Bình	1.191	1.180	1180	-	
71	Đường L6/1 ấp Thọ Lộc nhánh 2	498	492	492	-	
72	Đường L6/1 Thọ Lộc - Nhánh 1	498	442	442	-	
73	Đường khu 5 ấp Thọ Lộc	1.151	1.143	1.144	1	
74	Đường tổ 2-5 ấp Chà Rang, Suối Cao	491	447	446	(1)	
75	Đường tổ 3 ấp Chà Rang, Suối Cao	587	538	537	(1)	
76	Đường số 5 ấp Bảo Thị	602	557	552	(5)	
77	Đường tổ 4 nhánh 1 ấp Cây Da	217	184	184	-	
78	Đường tổ 1 nhánh 2 ấp Cây Da	352	323	323	-	
79	Đường tổ 12 ấp Phụng Vỹ	681	627	627	-	
80	Đường Cây Láp ấp Gia Lào nối dài xã Suối Cao	534	492	492	-	
81	Đường tổ 6 nhánh 2 ấp Gia Ty	795	764	764	-	
82	Đường số 5, đoạn còn lại, khu I, TT Gia Ray	464	435	435	-	
83	Đường nhánh tổ 6 - 8, ấp Tân Hòa	184	169	169	-	